

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ QUANG
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2025/HS-ST

Ngày 17 - 3 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ QUANG, TỈNH HÀ TĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tô Minh Hoài và ông Trương Thanh Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Việt Thắng, Thẩm phán Tòa án nhân dân huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo, Kiểm sát viên.

Ngày 17/3/2025, tại điểm cầu trung tâm Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh kết nối với điểm cầu thành phần tại Trại tạm giam Công an H2, xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 01/2025/TLST-HS, ngày 14/02/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXXST-HS, ngày 03/3/2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Anh T; sinh ngày 26/3/1999; sinh quán: Xã H, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh; trú quán: Thôn T, xã H, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Phạm Thị T1 (đã chết) và không xác định được cha; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 04/12/2023 và ngày 20/12/2024 bị Chủ tịch UBND xã H, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh ra Quyết định áp dụng biện pháp quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, trong thời hạn 01 năm kể từ ngày ra quyết định, theo quyết định số 125 và 140/QĐ-UBND; bị bắt tạm giữ ngày 24/12/2024 chuyển tạm giam từ ngày 27/12/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H2; có mặt.

- Bị hại:

+ Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1993; nghề nghiệp: Lao động tự do; địa chỉ: Thôn K, xã Q, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

+ Anh Nguyễn Đình T2, sinh năm 1984; nghề nghiệp: Lao động tự do; địa chỉ: Thôn K, xã Q, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Phạm Đình N, sinh năm 1995; nghề nghiệp: Kinh doanh; địa chỉ: Khu phố Q, phường Q, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh. Người đại diện theo ủy quyền của anh N: Anh Nguyễn Duy H1, sinh năm 1998; địa chỉ: Khu phố D, phường P, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt anh N, có mặt anh H1.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Lê Văn T3, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

+ Ông Nguyễn Đình V, sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:* Cán bộ, chiến sỹ tại điểm cầu thành phần hỗ trợ phiên tòa: Thượng úy Nguyễn Trọng V1, phụ trách dẫn giải - Trại tạm giam Công an H2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Anh T, sinh năm 1999, trú tại thôn T, xã H, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh trước đó biết chị họ của mình là Nguyễn Thị H, sinh năm 1993, có chồng là anh Nguyễn Đình T2, sinh năm 1984; trú tại thôn K, xã Q, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh có chiếc xe mô tô có giá trị nên nảy sinh ý định lấy trộm để kiếm tiền tiêu xài cá nhân.

Khoảng 13 giờ, ngày 19/12/2024 Phạm Anh T đón taxi của anh Lê Văn T3, sinh năm 1988, trú tại thôn T, xã H, huyện V đi từ thôn T, xã H để đi đến nhà chị H, anh T2. Sau đó khi đến gần khu vực nhà chị H, anh T2 thì T xuống xe taxi rồi đi bộ vòng ra phía sau nhà để quan sát thì phát hiện chị H, anh T2 đang ở nhà nên T đã lén lút đi xuống khu vực phía sau nhà bếp, tại đây có chiếc võng móc sẵn nên T đã nằm chờ rồi ngủ quên đến sáng ngày hôm sau. Đến khoảng 06 giờ, ngày 20/12/2024 T thức dậy thấy vợ chồng chị H, anh T2 đã đi làm, ở nhà chỉ còn hai con của vợ chồng chị H đang ngủ trong phòng, phía trước sân nhà có chiếc xe mô tô nhãn hiệu SH Mode, màu đỏ đen, biển kiểm soát 38E - 079.34 nên T đã đi vào phòng ngủ tìm kiếm, phát hiện trong túi xách treo sau cửa phòng ngủ có 01 căn cước công dân, 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Thị H và chìa khóa xe mô tô treo ở cột nhà trong phòng ngủ nên đã lấy chìa khóa xe và giấy tờ rồi một mình điều khiển xe mô tô trên đi ra tỉnh Bắc Ninh.

Đến khoảng 14 giờ 05 phút, ngày 20/12/2024 khi đi đến địa phận thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh, T tới tiệm Internet “Trường N1” tại khu phố D, phường P, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh của anh Phạm Đình N để cầm cố xe mô tô vừa lấy trộm được. Khi được anh N hỏi về nguồn gốc xe mô tô trên thì T nói đây là xe mô tô của chị T là Nguyễn Thị H, hiện chị H đang ôm cần số tiền lớn để điều trị nên chị H nhờ T đến cầm cố giúp chị H, khi chị H khỏe sẽ quay lại nhận xe. Tin lời T nên anh N không nghi ngờ gì và viết giấy nhận cầm cố xe mô tô SH Mode biển kiểm soát 38E1 - 079.34 với số tiền 33.000.000đ, ngay sau đó T rời đi và sử dụng toàn bộ số tiền cầm cố vào tiêu xài cá nhân.

Sau đó do biết gia đình chị H đã trình báo với cơ quan Công an và nghi ngờ T là người lấy trộm, lo sợ và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm nên ngày 24/12/2024 T đến Cơ quan Công an đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội như

trên. Ngày 25/12/2024 Cơ quan Công an thu giữ chiếc xe mô tô SH Mode tại tiệm Internet “Trường N2” của anh Phạm Đình N tại thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTS ngày 25/12/2024 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện V, kết luận chiếc xe mô tô SH Mode màu đỏ đen, nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát 38E1 - 079.34 có trị giá 34.667.000đ.

Vật chứng thu giữ:

+ 01 xe mô tô BKS 38E1 - 079.34, nhãn hiệu Honda; số loại SH Mode màu đỏ đen; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 006096, biển kiểm soát 38E1 - 079.34; 01 căn cước công dân số 04219300361, mang tên Nguyễn Thị H do Phạm Đình N giao nộp. Toàn bộ vật chứng này Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Nguyễn Thị H.

+ 01 Hợp đồng cầm cố của tiệm “Trường N2” do Phạm Anh T giao nộp, được cơ quan điều tra đánh số bút lục lưu cùng hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đình T2 sau khi nhận lại tài sản không có yêu cầu gì, đồng thời tha thiết đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất vì hoàn cảnh của bị cáo quá đáng thương. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Đình N yêu cầu Phạm Anh T trả lại số tiền 33.000.000đ mà anh N giao cho T khi cầm cố xe.

Tại bản Cáo trạng số 01/CT-VKS-VQ ngày 14/02/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Quang truy tố bị cáo Phạm Anh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị hại chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đình T2 không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự, về hình sự bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; anh Nguyễn Duy H1 là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Đình N yêu cầu bị cáo Phạm Anh T trả lại số tiền 33.000.000đ.

Bị cáo đã khai nhận về hành vi phạm tội của mình như nội dung trên. Bị cáo không kêu oan, không tranh luận gì mà xin được giảm nhẹ hình phạt, bị cáo xin lỗi bị hại anh T2, chị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Đình N; về tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có thì vì điều kiện hoàn cảnh của bị cáo nên hiện nay bị cáo chưa nộp lại được số tiền thu lợi bất chính 33.000.000đ để sung quỹ Nhà nước, nhưng bị cáo hứa sau này bị cáo sẽ nộp lại toàn bộ số tiền này cho Nhà nước; đối với yêu cầu của anh Phạm Đình N thì bị cáo đồng ý thỏa thuận trả sẽ hoàn lại tiền 33.000.000đ cho anh Phạm Đình N.

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Phạm Anh T về tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Anh T từ 09 đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/12/2024; Truy thu, nộp ngân sách Nhà nước ở bị cáo Phạm Anh T số tiền 33.000.000đ; ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo về việc trả lại cho anh Phạm Đình N số tiền 33.000.000đ

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo tự nguyện khai nhận hành vi phạm tội của mình. Đối chiếu lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được xem xét công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Vào sáng ngày 20/12/2024 Phạm Anh T đã đến nhà anh Nguyễn Đình T2 và chị Nguyễn Thị H ở thôn T, xã H, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh để lấy trộm 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda; số loại SH Mode màu đỏ đen, biển kiểm soát 38E1 - 079.34 cùng giấy tờ đăng ký chiếc xe, xe thuộc quyền sở hữu của anh T2, chị H, chiếc xe có trị giá 34.667.000đ, sau đó T đưa chiếc xe lấy trộm được đến cầm cố cho anh Phạm Đình N để lấy số tiền 33.000.000đ. Với giá trị tài sản T lấy trộm là 34.667.000đ thì hành vi của bị cáo Phạm Anh T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng số: 01/CT-VKS-VQ ngày 14/02/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh đã truy tố bị cáo Phạm Anh T về tội danh, điều khoản trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể hiện rõ thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị hại đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Xét tính chất, hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân, hoàn cảnh của bị cáo (bị cáo không xác định cha, mồ côi mẹ khi mới 14 tuổi), Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo Phạm Anh T ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội đồng thời răn đe, phòng ngừa chung như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp và có căn cứ.

[5] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã trả lại vật chứng cho chủ sở hữu hợp pháp, là hoàn toàn đúng với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử miễn xét. Đối với Hợp đồng cầm đồ của tiệm “Trường N2”, xét thấy đây là chứng cứ vật chất chứng minh hành vi phạm tội của

bị cáo, nên Cơ quan điều tra lưu trong hồ sơ vụ án là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật.

Quá trình phạm tội bị cáo thu lợi bất chính số tiền 33.000.000đ có được do cầm cố chiếc xe mô tô lấy trộm, do đó cần áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để truy thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền này từ bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Đình N yêu cầu bị cáo trả lại số tiền cầm cố 33.000.000đ, xét thấy tại phiên tòa bị cáo đồng ý chấp nhận trả lại tiền theo yêu cầu của anh N là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận sự tự nguyện trả lại tiền này của bị cáo.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị về tội danh, mức hình phạt, xử lý vật chứng là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về các nội dung khác: Anh Lê Văn T3 là người lái xe taxi được bị cáo T thuê chở tới nhà anh Nguyễn Văn T4, chị Nguyễn Thị H, nhưng anh T3 hoàn toàn không biết về việc mục đích của T là đến để lấy trộm xe mô tô, do đó, anh T3 không liên quan tới hành vi lấy trộm tài sản của Phạm Anh T.

Đối với anh Phạm Đình N là người được cấp Giấy phép đăng ký hộ kinh doanh cầm đồ theo quy định, quá trình bị cáo Phạm Anh T đến cầm cố chiếc xe mô tô thì T đã không nói về việc chiếc xe do mình lấy trộm, đồng thời T xuất trình đầy đủ giấy tờ xe mô tô mang tên Nguyễn Thị H và nói dối là bị cáo đi cầm cố giúp cho chị H để lấy tiền điều trị bệnh. Do đó không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với anh Phạm Đình N.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự. Điểm b khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, 585, 586, 589 và Điều 357 Bộ luật Dân sự; Khoản 1, 3 Điều 21; điểm a, c khoản 1 Điều 23; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Anh T phạm tội Trộm cắp tài sản.
2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Anh T 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/12/2024.
3. Về biện pháp tư pháp: Truy thu, nộp ngân sách Nhà nước ở bị cáo Phạm Anh T số tiền 33.000.000đ.
4. Về dân sự: Buộc bị cáo Phạm Anh T phải trả lại cho cho anh Phạm Đình N số tiền 33.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được bồi thường có đơn yêu cầu thi hành án thì bị cáo phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 1.650.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (người đại diện theo ủy quyền) có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện Vũ Quang;
- Công an tỉnh Hà Tĩnh;
- Chi cục THADS huyện Vũ Quang;
- THA Hình sự;
- Trại Tạm giam CA tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu: HSVA - VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Văn Đạt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Minh Hoài Trương Thanh Hà

Mai Văn Đạt

